

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VL
TỈNH VL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29/9/2021

Về việc “ly hôn và nuôi dưỡng con
chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL – TỈNH VL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thom

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kháng

2. Ông Lê Quang Điện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tươi – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 về việc “ly hôn và nuôi dưỡng con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1992, vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1991, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Tú A, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2017 và cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2019. Cháu Tú A và cháu K là con của chị M và anh L.

Cùng có HKTT: Thôn TN, xã LĐ, huyện VL, tỉnh VL.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1969, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn NL, xã SL, huyện TT, tỉnh BN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2020 và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim M trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành L có thời gian quen biết, tìm hiểu nhau hai tháng thì cùng tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã LĐ ngày 22 tháng 7 năm 2016. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng chị chung sống

cùng nhau ở gia đình anh L. Vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được vài tháng đầu sau đó là những ngày cơ cực, khổ sở đối với chị. Vợ chồng chị không hòa thuận, không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra cãi nhau và chị cũng nhiều lần bị anh L chửi bới, đánh đập. Nguyên nhân mâu thuẫn do thời gian quen biết tìm hiểu nhau ít cho nên chưa hiểu rõ tính nết của anh L. Chị cảm thấy anh L không có chút tình thương nào với chị, sống không có trách nhiệm với vợ con, gia đình, thường xuyên chơi bời, rượu chè. Khi chị nói thì chửi, đánh chị. Tình trạng này diễn ra nhiều năm, anh L ngày một quá đáng hơn. Do không thể chịu đựng được nữa cho nên chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở Bắc Ninh ở từ tháng 02 năm 2020, vợ chồng chị đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay. Chị M xác định không còn tình cảm với anh L nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn.

Về con chung, chị M trình bày vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Tú A, sinh ngày 12/4/2017 và cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 10/12/2019. Chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K còn anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tú A, chị và anh L không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản, chị M xác định vợ chồng chị không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ, chị M xác định vợ chồng chị không có công nợ với ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức, chị M xác định chị không có công sức gì với gia đình chồng nên chị không đề nghị giải quyết.

Về đất ruộng nông nghiệp, chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành L có lời khai thể hiện: Anh và chị M cùng tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã LĐ ngày 01/7/2016. Sau ngày cưới, vợ chồng anh sinh sống ở gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó vợ chồng cũng có xảy ra những mâu thuẫn, cãi vã do những bất đồng trong ứng xử hàng ngày, do vợ hay nói nhiều, cần nhần, đay nghiến, chê bai anh nên nhiều lúc anh cũng có cẩu, bực tức không kiềm chế được mà đánh vợ. Vợ anh bỏ về nhà bố mẹ vợ anh ở từ tháng 02/2020 đến nay. Nhiều lần anh bảo chị M về nhưng chị M không về. Anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị M vẫn cương quyết ly hôn thì tùy chị M quyết định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Vắng mặt anh L không có lý do.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với các đương sự, chị M đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh L vắng mặt không có lý do tại các lần Tòa án triệu tập, vắng mặt tại phiên họp hòa giải và tại các phiên tòa nên xác định anh L không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị M ly hôn với anh L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tú A, sinh ngày 12/4/2017 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 10/12/2019 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị M và anh L không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về công nợ chung; Tài sản chung; Công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, Hội đồng xét xử nhận định:

I/ Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vắng mặt bị đơn là anh L. Đây là lần thứ hai tòa án mở lại phiên tòa nhưng anh L vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

II/ Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim M và anh Nguyễn Thành L có đăng ký kết hôn tại UBND xã LD ngày 01/7/2016, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện của chị M và anh L nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị M, anh L có một thời gian ngắn hòa thuận, hạnh phúc sau đó vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và anh L cũng có những lần đánh vợ. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm nhưng không cải thiện được mà ngày một nghiêm trọng hơn. Từ tháng 02 năm 2020 chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở, vợ chồng chị sống ly thân kể từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được khuyên nhủ, hòa giải nhưng không thể cải thiện được. Nguyên nhân mâu thuẫn do khác biệt về tính cách, quan điểm sống và có lỗi ở anh L còn thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con và đánh vợ. Quá trình giải quyết

vụ án chị M xin vắng mặt khi Tòa án mở phiên họp hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa. Anh L vắng mặt tại những lần Tòa án triệu tập và vắng mặt tại phiên tòa. Điều này cũng phần nào cho thấy chị M và anh L đều không có nguyện vọng hòa giải để đoàn tụ. Như vậy có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng chị M và anh L đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị M được ly hôn với anh L.

[2] Về con chung: Chị M và anh L có hai con chung là cháu Nguyễn Tú A, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2017 và cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 10/12/2013. Chị M và anh L cùng có quan điểm chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tú A, anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu K do vậy Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận đề nghị của vợ chồng anh chị, giao cháu Tú A cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, giao cháu K cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị M và anh L không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[3] Về công nợ và tài sản chung: Chị M và anh L đều xác định vợ chồng không nợ ai và không có tài sản gì chung, không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về công sức và ruộng nông nghiệp: Chị M và anh L đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị M phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 228; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim M, xử cho chị M được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tú A, sinh ngày 12/4/2017 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 10/12/2019 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị M và anh L không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Chị M và anh L đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản quyền này.

- Về công nợ; tài sản chung; công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000653 ngày 05/3/2021, chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện VL;
- UBND xã LĐ.
- Chi cục THADS huyện VL;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm

